

**Phụ lục IX**  
**CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**  
**PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG ANA**

(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày    tháng    năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo QĐ 326	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo đề xuất của tỉnh
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>31.318</b>	<b>30.429</b>
1.1	Đất trồng lúa	7.656	7.656
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>5.736</i>	<i>5.688</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	15.155	14.153
1.3	Đất rừng phòng hộ	184	184
1.4	Đất rừng đặc dụng	1.969	1.969
1.5	Đất rừng sản xuất	4.641	4.641
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>610</i>	<i>600</i>
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>4.238</b>	<b>5.127</b>
2.1	Đất quốc phòng	271	271
2.2	Đất an ninh	8	8
2.3	Đất khu công nghiệp		
2.4	Đất cụm công nghiệp	50	50
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	29	99
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	16	29
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	453	453
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	2.145	2.152
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>1.036</i>	<i>1.036</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>710</i>	<i>697</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>2</i>	<i>2</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>7</i>	<i>7</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>45</i>	<i>45</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>21</i>	<i>32</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>323</i>	<i>333</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia		
2.10	Đất cơ sở tôn giáo	5	5
2.11	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	97	155
2.12	Đất có di tích lịch sử - văn hóa		
2.13	Đất bãi thải, xử lý chất thải	24	24
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	50	50
2.15	Đất ở tại nông thôn	686	930
2.16	Đất ở tại đô thị	286	337
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	20	20
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	1
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>34</b>	<b>34</b>
<b>4</b>	<b>Đất đô thị</b>	<b>600</b>	<b>3.045</b>